TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 - VĨNH LONG** Bản án số: 63/2026/HNGĐ-ST Ngày: 07-8-2026 V/v Ly hôn	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thảo.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hòa.
Bà Nguyễn Thị Hồng Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Quách Thúy Lam – Thư ký của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Huấn – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 59/2026/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2026 về *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 145/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 284/2026/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: B Quoc Nguyen (Nguyễn Quốc B), sinh ngày: 27-7-1959; Địa chỉ: 120 B ST, M. MA. 02148 (Hoa Kỳ) *(Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)*.

- *Bị đơn*: Bà Phạm Thị C, sinh ngày: 10-02-1975; Địa chỉ: ấp số 4 (nay là ấp B), xã C, tỉnh Vĩnh Long *(Vắng mặt)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai cùng ngày 06-02-2026 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Quốc B trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà Phạm Thị C đi đến hôn nhân do tự tìm hiểu quen biết nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh (cũ) vào ngày 14-3-2016. Thời gian đầu chung sống có hạnh phúc. Đến năm 2017 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, không còn sống chung, không quan tâm nhau, mỗi người mỗi việc, sống ở hai nơi khác nhau nên mất liên lạc với nhau từ năm 2017 cho đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn, nên nay ông khởi kiện xin được ly hôn với bà Phạm Thị C.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung phải thu, phải trả: Quá trình chung sống, ông với bà C không có con chung, không tạo lập tài sản chung, không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông xác định ngoài những chứng cứ đã nộp có trong hồ sơ vụ án, ông không nộp thêm chứng cứ. Ông không thuộc diện gia đình chính sách.

Đối với bị đơn bà Phạm Thị C: Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã nhiều lần triệu tập, thông báo, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng bà C đều vắng mặt, nên Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông B, bị đơn bà C đều vắng mặt, nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa thụ lý đến thời điểm này Thẩm phán đã chấp hành đúng theo Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời gian ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát, cấp và tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng đã thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ và đúng theo trình tự pháp luật quy định của phiên tòa sơ thẩm. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự; Đối với bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Vị đề nghị áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 19, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quốc B: Cho ông B được ly hôn với bà Phạm Thị C; Con chung: không có; Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu, nên không xem xét. Ngoài ra, Vị đề nghị nguyên đơn có nghĩa vụ chịu án phí hôn nhân sơ thẩm; Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân khu vực 11 - Vĩnh Long nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Ông Nguyễn Quốc B khởi kiện ly hôn với bà Phạm Thị C. Ông Bảo có địa chỉ cư trú tại 120 B ST, M. MA. 02148 (Hoa Kỳ). Bà C có địa chỉ cư trú tại ấp B, xã C, tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 và Điều 469 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật là *"Ly hôn"* và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Vĩnh Long.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Ông Nguyễn Quốc B là nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bà Phạm Thị C là bị đơn, đã được Tòa án triệu tập đến tham dự các phiên làm việc tại Tòa, nhưng bà C vắng mặt không lý do. Hôm nay, bà C đã

được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham dự phiên tòa xét xử vụ án, nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025, Tòa án vẫn tiến hành phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[3] *Về hôn nhân*: Xét thấy ông Nguyễn Quốc B và bà Phạm Thị C xác lập quan hệ hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh (cũ) vào ngày 14-3-2016, nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp. Ông bà chung sống hạnh phúc được đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Ông Bảo cho rằng nguyên nhân do vợ chồng mỗi người mỗi việc, sống ở hai nơi khác nhau, không còn sống chung, không quan tâm nhau và đã mất liên lạc với nhau từ năm 2017 cho đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn, nên ông B yêu cầu ly hôn với bà C. Đối với bà Phạm Thị C, qua các lần xác minh của Tòa án với người thân và chính quyền địa phương ấp B, xã C, tỉnh Vĩnh Long cho biết bà C có đăng ký thường trú tại địa phương chung hộ với cha ruột là ông Phạm Văn K, nhưng hiện nay bà C đi làm ở xa (mà người thân và chính quyền địa phương không rõ địa chỉ nơi làm việc của bà), bà C vẫn còn liên lạc với gia đình thăm cha mẹ. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng như thông báo về việc thụ lý vụ án, các thông báo mời làm việc cho cha ruột của bà C ký nhận thay cam kết giao lại cho bà C, bà C biết việc ông B xin ly hôn với bà, nhưng đến nay bà C vẫn không đến Tòa, không cung cấp lời khai, không cung cấp chứng cứ gì để chứng minh tình trạng hôn nhân giữa bà C với ông B.

[4] Xét thấy gia đình là tế bào của xã hội, gia đình tốt thì xã hội mới tốt, xã hội tốt thì gia đình càng tốt. Do đó, vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc và bền vững. Ông B, bà C xác lập hôn nhân có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật từ năm 2016, vợ chồng chung sống có thời gian hạnh phúc. Quá trình sống chung, có những lúc chưa thống nhất về quan điểm cuộc sống, về cách ứng xử giao tiếp với nhau, đáng lẽ ra ông bà phải biết tự điều chỉnh hành vi bản thân, xử sự có lý, có tình, cùng góp ý, tôn trọng lẫn nhau để tìm cách giải quyết mọi vấn đề phát sinh trong cuộc sống hôn nhân một cách tốt đẹp nhất, để bảo vệ hạnh phúc gia đình. Tuy nhiên, khi mâu thuẫn xảy ra, vợ, chồng không tìm cách giải quyết, mà lại tự sống ly thân và bỏ mặc nhau, làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt và dần mất đi.

[5] Tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 sửa đổi, bổ sung năm 2025 quy định *"Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau,…"*. Nhưng ông B, bà C đã không thực hiện được các nghĩa vụ này với nhau.

[6] Theo các Biên bản xác minh vào các ngày 02 và 08-7-2026 của Tòa án với chính quyền địa phương và người thân của bà C tại ấp B, xã C cho biết: Về mâu thuẫn cụ thể trong cuộc sống chung giữa ông B, bà C thì họ không nắm rõ,

nhưng biết vợ chồng ông B, bà C đã sống ly thân thời gian đã rất lâu mà không thể hàn gắn lại được; Người thân của bà C cho biết bà C cũng đồng ý ly hôn với ông B nhưng do đi làm ở xa nên không về Tòa án được. Ông B, bà C không có con chung. Tại địa phương, ông B và bà C không tranh chấp tài sản chung với nhau hoặc với ai, không tranh chấp hay khiếu nại gì về nợ chung với ai. Về việc ông B xin ly hôn với bà C, đề nghị Tòa xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

[7] Tòa án đã tiến hành mời hòa giải đoàn tụ vào ngày 05-6-2026, để ông B, bà C có cơ hội gặp nhau trao đổi về tình trạng hôn nhân giữa hai người, nhưng ông B do đang cư trú ở Hoa Kỳ nên có đơn đề nghị Tòa án giải quyết - xét xử vụ án vắng mặt ông. Đối với bà C không có mặt theo triệu tập của Tòa án, thể hiện bà C không mong muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng với ông B. Tòa án không thể tiến hành hòa giải đoàn tụ được khi hai đương sự đều vắng mặt.

[8] Từ những nhận định trên, thấy rằng đời sống chung của vợ chồng ông B, bà C đang trong tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Việc ông B xác định tình cảm vợ chồng không còn, cương quyết ly hôn với bà C là có cơ sở, phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16-5-2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình. Nên cần chấp nhận yêu cầu, cho ông B được ly hôn với bà C.

[9] *Về con chung*: Ông Nguyễn Quốc B và bà Phạm Thị C không có con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] *Về tài sản chung*: Tòa án đã giải thích theo quy định tại Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 sửa đổi, bổ sung năm 2025, đối với ông B xác định không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết; Đối với bà C không có lời khai, không cung cấp chứng cứ liên quan, không tranh chấp, nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

[11] *Về nợ chung phải thu, phải trả*: Ông Nguyễn Quốc Bảo xác định quá trình chung sống ông và bà Phạm Thị Chinh không nợ ai, cũng không ai nợ ông và bà Chinh, không yêu cầu giải quyết; Đối với bà Chinh vắng mặt không lý do tại các phiên mời làm việc tại Tòa, nên không có lời trình bày của bà về xác định nợ chung của vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

[12] *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Ông Nguyễn Quốc B có nghĩa vụ nộp theo quy định pháp luật.

[13] Xét quan điểm của Vị Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Vĩnh Long là có cơ sở.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 70, 144, 147, 227, 228, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025; các Điều 19, 51, 53, 54, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 sửa đổi, bổ sung năm 2025; Điều 4 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16-5-2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 27, Tiểu mục 1.1 Mục 1 Phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quốc B.

1. Về hôn nhân: Cho ông Nguyễn Quốc B được ly hôn với bà Phạm Thị C.

2. Về con chung: Ông Nguyễn Quốc B và bà Phạm Thị C không có con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không tranh chấp, không khởi kiện, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông Nguyễn Quốc B phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu số 0004618 ngày 16 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 34, 36, 71, 72 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định của Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 11 - Vĩnh Long;
- UBND xã C;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Thảo